TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI** Bản án số: 22/2024/DS-ST Ngày: 25 - 7- 2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm
2. Bà Trương Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 24, 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐST - DS ngày 05/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST- DS ngày 27/6/ 2024

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H - sinh năm 1973

Địa chỉ: TDP C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu T - sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Như H1 - sinh năm 2001 (bà H1, bà T có mặt)

Cùng địa chỉ: Số B N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2024

Bị đơn: Bà Phạm Thị H2

Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/02/2015 bà Nguyễn Thị Bích H có cho bà Phạm Thị H2 vay số tiền 10.000.000 đồng để lo việc gia đình. Mặc dù trong giấy vay không ghi thời hạn nhưng khi vay bà hiền hẹn 07 ngày sẽ trả nhưng từ đó đến nay bà H2 vẫn chưa trả tiền cho bà H. Trước đây bà H đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu bà H2 trả nợ nhưng bà H2 cứ hứa hẹn và cố tình né tránh trách nhiệm trả nợ. Ngày 03/7/2023 bà H gửi thông báo yêu cầu bà H2 trả nợ (có kèm theo nội dung thông báo và vận đơn bưu gửi).

Trong thời gian vay hai bên không thoả thuận lãi suất, nhưng đến nay đã quá thời hạn hẹn trả, nên H tính lãi suất 8%/năm theo lãi suất ngân hàng, tính từ ngày 03/7/2023.

Do vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà H làm đơn khởi kiện này yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung yêu cầu sau đây:

Buộc bà Phạm Thị H2 trả cho bà số tiền gốc đã mượn là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và tiền lãi 8%/năm theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày bà H có giấy báo yêu cầu bà trả nợ ngày 03/7/2023 tạm tính đến 25/10/2023 tính chẵn 3,5 tháng với số tiền 233.000đồng. Tổng số tiền lãi và gốc là: 10.233.000 đồng. (Trong đó gốc 10.000.000 đồng và 233.000 đồng tiền lãi)

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc bà Phạm Thị H2 trả số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 31/10/2023 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm là 600.000 đồng. Đồng thời bà H yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả của số tiền gốc sau ngày xét xử sở thẩm cho đến khi thi hành án xong.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị H2 trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị H2 đã nhận được các thông báo Tòa án hợp lệ nhưng bà Phạm Thị H2 không có ý kiến đối với yêu cầu của bà H

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn bà Phạm Thị H2 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị H2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 31/10/2023 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H2 ở Tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu bà H2 trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn bà Phạm Thị H2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Phạm Thị H2.

[1.3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc bà Phạm Thị H2 trả số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 31/10/2023 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm là 600.000 đồng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ chỗ quen biết nên ngày 26/02/2015 bà Nguyễn Thị Bích H có cho bà Phạm Thị H2 vay với số tiền 10.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng thời hạn vay 07 ngày nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Theo giấy vay tiền thì không ghi lãi suất và không xác định thời hạn. Bà Phạm Thị H2 đã nhận được thông báo của Tòa án về việc bà H khởi kiện yêu cầu trả nợ vay nhưng bà H2 không có ý kiến. Như vậy, có căn cứ để khẳng định rằng giữa Nguyễn Thị Bích H và bà Phạm Thị H2 có xác lập hợp đồng vay tài sản là có thật. Đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi vay, khi cần tiền bà H đã thông báo nhưng bà H2 không trả. Bà Phạm Thị H2 không trả nợ cho bà H khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu bà Phạm Thị H2 trả nợ số tiền gốc 10.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi tính từ ngày 31/10/2023 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm là 600.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 03/7/2023 bà Nguyễn Thị Bích H có thông báo yêu cầu bà H2 trả nợ nhưng đến ngày 31/10/2023 bà H2 vẫn không trả. Đây là một khoản thời gian hợp lý để bà H2 trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 31/10/2023 với mức lãi suất 8%/ năm là phù hợp theo quy định tại Điều 468, khoản 1 Điều 469, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận

[2.3] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu tiếp tục trả lãi chậm trả của số tiền gốc sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Hội đồng xét xử thấy rằng

đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi (các bên không thỏa thuận lãi suất). Vì vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nên tính lãi chậm trả kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án.

[3] Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà bà Phạm Thị H2 phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H 10.600.000 đồng (Trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 600.000 đồng)

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Phạm Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 530.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp tại biên lai số 0001230 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

[5] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H. Buộc bà Phạm Thị H2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 10.600.000 đồng (Trong đó tiền vay gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 600.000 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 530.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp tại biên lai số 0001230 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THDS thị xã Đức Phổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Minh Kha